

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số: 18/2007/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cần Thơ, ngày 18 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý, sử dụng nguồn kinh phí
phục vụ công tác khuyến công thành phố Cần Thơ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2005/TTLT-BTC-BCN ngày 16 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tài chính và Bộ Công nghiệp hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công nghiệp tại Tờ trình số 250/TTr-SCN ngày 24 tháng 4 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng nguồn kinh phí phục vụ công tác khuyến công thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau mười ngày và đăng báo Cần Thơ chậm nhất năm ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, giám đốc sở, thủ trưởng cơ quan ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Võ Thanh Tòng

QUY ĐỊNH

**Về việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí
phục vụ công tác khuyến công thành phố Cần Thơ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2007/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2007
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích của nguồn kinh phí phục vụ công tác khuyến công

Phục vụ hoạt động thường xuyên của công tác khuyến công và để hỗ trợ cho chương trình, dự án, đề án khuyến công, nhằm đảm bảo cho hoạt động khuyến công đạt được các mục tiêu quy định tại Điều 1 của Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

Điều 2. Nguồn kinh phí phục vụ công tác khuyến công

Kinh phí phục vụ công tác khuyến công được hình thành từ các nguồn:

1. Ngân sách thành phố.
2. Ngân sách Trung ương hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia.
3. Đóng góp tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Đối tượng được hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị trấn và xã (sau đây gọi là cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn) bao gồm:

- 1.1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước.
- 1.2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
- 1.3. Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

1.4. Hộ kinh doanh cá thể đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2000 và Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh (nay là Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh).

2. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 4. Đối tượng không được hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Chương trình, dự án đã được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.
2. Chương trình dự án đã được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, Quỹ phát triển khoa học công nghệ thuộc các nguồn vốn khác (kể cả nguồn vốn Trung ương).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Ngành nghề được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại huyện, thị trấn và xã được hưởng chính sách khuyến công của Nhà nước đối với các ngành nghề sau:

1. Công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản.

2. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ (sử dụng nguyên liệu tại chỗ là sử dụng nguyên liệu, vật liệu chính trong phạm vi trên địa bàn thành phố nơi chưa đầu tư sản xuất được) và sử dụng nhiều lao động (cơ sở sản xuất có sử dụng từ 50 lao động trở lên).

3. Sản xuất sản phẩm mới (sản phẩm mới là sản phẩm khi tổ chức, cá nhân đầu tư cơ sở sản xuất tại huyện, thị trấn và xã nơi cơ sở sản xuất đầu tư sản xuất chưa được), sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước (sử dụng nguyên liệu, vật liệu chính trong nước từ 70% trở lên).

4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy cơ khí nông nghiệp.

5. Xây dựng thủy điện nhỏ, điện sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo có công suất lắp đặt dưới 10.000 Kw để cung cấp điện cho nông thôn.

6. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

7. Đầu tư vốn xây dựng kết cấu hạ tầng cho cụm, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Điều 6. Nội dung hỗ trợ của kinh phí khuyến công

1. Chi phí cho các hoạt động để hướng dẫn tổ chức, cá nhân khởi sự doanh nghiệp lập dự án đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, tìm kiếm mặt bằng sản xuất, tuyển dụng, đào tạo lao động, huy động vốn và các thủ tục hành chính khác theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp theo vùng, lãnh thổ và địa phương.

2. Chi phí cho các hoạt động để hướng dẫn cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hóa sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

3. Chi phí cho các hoạt động để hướng dẫn, tư vấn cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

4. Hỗ trợ chi phí để cung cấp thông tin về thị trường, giá cả, sản phẩm và công nghệ của thị trường trong và ngoài nước; tiếp thị, tìm kiếm thị trường, đối tác kinh doanh và tổ chức triển lãm, hội chợ, giới thiệu sản phẩm.

5. Hỗ trợ chi phí để tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề.

6. Hỗ trợ chi phí cho cơ sở sản xuất thuê diện tích tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm ở trong nước.

7. Hỗ trợ chi phí để tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, tham quan, khảo sát trong nước; hỗ trợ và tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, tham gia các hiệp hội ngành nghề.

8. Hỗ trợ chi phí để xây dựng thí điểm mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và thực hiện dịch vụ tư vấn khoa học - công nghệ để hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp nông thôn.

Điều 7. Nhiệm vụ chi hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công thành phố sử dụng cho những hoạt động khuyến công của địa phương được quy định tại Điều 6 của Quy định này phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp nông thôn của thành phố.

2. Chi tuyên truyền cho công tác khuyến công trong phạm vi địa phương.

3. Chi hỗ trợ xây dựng chương trình, kế hoạch khuyến công từng giai đoạn và hàng năm tại địa phương.

4. Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động khuyến công tại cơ sở.

5. Chi mua sắm thiết bị phục vụ công tác khuyến công.

6. Chi khen thưởng theo quy định của cấp có thẩm quyền.

7. Các khoản chi khác (nếu có), Sở Công nghiệp đề xuất tổng hợp gửi Sở Tài chính có ý kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất phù hợp với yêu cầu phục vụ cho việc trình diễn quy định tại điểm 3.1 khoản 3 Điều 9 của Quy định này, có phương án đầu tư sản xuất phù hợp với đối tượng và ngành nghề đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 3 Chương I, Điều 5 Chương II của Quy định này và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

- Quyết định phê duyệt dự án của cơ quan có thẩm quyền theo quy định theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng;

- Tổ chức, cá nhân đã thực sự bỏ vốn đầu tư cải tạo hoàn thiện công nghệ phù hợp với yêu cầu của cơ quan khuyến công;

- Chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước.

2. Hỗ trợ kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm sản phẩm trong nước phải đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Là cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn;

- Có hợp đồng thuê gian hàng triển lãm, hội chợ;

- Hóa đơn thu tiền gian hàng của cơ quan tổ chức hội chợ, triển lãm;

- Quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền;

- Chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước.

3. Đối với hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ khuyến công:

- Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và khả năng thực hiện dịch vụ khuyến công theo quy định của Bộ Công nghiệp;

- Có Đề án kèm theo dự toán kinh phí thực hiện dịch vụ khuyến công được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Đề án thực hiện dịch vụ khuyến công phải nêu rõ thực hiện loại dịch vụ khuyến công nào, đối tượng và số lượng phục vụ, thời gian và địa điểm thực hiện, khả năng và trình độ của lực lượng thực hiện dịch vụ,... Dự toán chi tiết kinh phí cần thiết, khả năng đóng góp của tổ chức và cá nhân được cung cấp dịch vụ và mức kinh phí đề nghị Nhà nước hỗ trợ.

Điều 9. Một số mức chi hỗ trợ

1. Các tổ chức, cá nhân và cơ sở sử dụng nguồn kinh phí khuyến công của Nhà nước cho các hoạt động khuyến công phải thực hiện theo đúng định mức chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Tổ chức, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn được hỗ trợ 50% chi phí thuê diện tích gian hàng tham gia hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm trong nước. Mức hỗ trợ cho từng tổ chức, cơ sở sản xuất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Xây dựng thí điểm mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ sản xuất tiên tiến (theo điểm 5 phần II của Thông tư liên tịch số 36/2005/TTLT-BTC-BCN) như:

3.1. Đối với các cơ sở sản xuất của tổ chức, cá nhân đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập: sau khi lựa chọn cơ sở sản xuất đáp ứng được yêu cầu cần trình diễn, phổ biến để nhân rộng, Sở Công nghiệp xem xét hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật và bố trí kinh phí cần thiết để thực hiện trình diễn trên cơ sở dự toán kinh phí theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

3.2. Đối với các cơ sở sản xuất đang hoạt động nhưng cần cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất để đáp ứng được yêu cầu trình diễn kỹ thuật, Sở Công nghiệp thống nhất với cơ sở sản xuất để đầu tư hoàn thiện công nghệ, quy trình sản xuất. Việc đầu tư hoàn thiện công nghệ, quy trình sản xuất do cơ sở sản xuất tự bảo đảm, nhà nước hỗ trợ một phần các chi phí liên quan tới mô hình trình diễn. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/mô hình.

3.3. Đối với các sản phẩm mới, quy trình sản xuất mới cần xây dựng mô hình trình diễn, Sở Công nghiệp lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ khả năng để xây dựng cơ sở sản xuất làm mô hình trình diễn trên nguyên tắc các tổ chức, cá nhân tự bảo đảm nguồn vốn đầu tư theo yêu cầu gắn với mô hình trình diễn. Căn cứ vào chi phí cho việc thực hiện, mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/mô hình.

Mức hỗ trợ cho từng cơ sở sản xuất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể, phù hợp với quy mô đầu tư, tính chất ngành, công nghệ, sản phẩm,... của đề án, nhưng không vượt quá mức tối đa quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2005/TTLB-BTC-BCN.

4. Hỗ trợ tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ khuyến công có đủ điều kiện và khả năng thực hiện dịch vụ khuyến công được Nhà nước xem xét, hỗ trợ kinh phí thực hiện theo nguyên tắc hoạt động dịch vụ khuyến công phù hợp với nội dung chương trình khuyến công trong từng thời kỳ, kinh phí khuyến công hỗ trợ được xác định trên cơ sở công việc thực hiện, thời gian thực hiện, số lượng và đối tượng được hưởng dịch vụ khuyến công, chế độ và tiêu chuẩn chi tiêu theo quy định hiện hành của Nhà nước sau khi đã trừ phần đóng góp của tổ chức, cá nhân được hưởng thụ dịch vụ. Mức hỗ trợ cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

5. Các chương trình đề án hỗ trợ đột xuất: chỉ xét hỗ trợ đối với trường hợp đặc biệt, trình tự xét duyệt thực hiện đúng theo quy trình tại quy định này và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 10. Trình tự, thủ tục đề nghị hỗ trợ từ kinh phí khuyến công

1. Hồ sơ gồm:

1.1. Văn bản đề nghị được hỗ trợ kinh phí khuyến công và dự toán kinh phí thực hiện của chủ chương trình, đề án có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước.

1.2. Chương trình, đề án do cơ sở lập, kèm theo xác nhận của các cấp có thẩm quyền và văn bản phê duyệt, hoặc ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền về chương trình, đề án đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công.

1.3. Bản sao giấy đăng ký kinh doanh (đối với cơ sở sản xuất) và bản sao giấy chứng nhận làng nghề (đối với làng nghề).

1.4. Hồ sơ làm thành 04 bộ gốc gửi về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thuộc Sở Công nghiệp.

2. Trình tự phê duyệt:

2.1. Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của hồ sơ, tổng hợp để Sở Công nghiệp phối hợp với Sở Tài chính và các ngành có liên quan thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2.2. Sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt chương trình, đề án hỗ trợ kinh phí khuyến công, Sở Công nghiệp thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện theo dõi, quản lý.

Điều 11. Lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công

1. Sở Công nghiệp lập dự toán kinh phí khuyến công của địa phương cùng thời điểm lập dự toán ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Việc phân bổ dự toán kinh phí khuyến công và quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Kho bạc Nhà

nước Cần Thơ có trách nhiệm kiểm soát chi kinh phí thực hiện công tác khuyến công theo định mức, chế độ hiện hành và quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2005/TTLT/BTC-BCN.

3. Kinh phí thực hiện công tác khuyến công phải được sử dụng đúng theo nội dung, điều khoản tại Quy định này và đến ngày 31 tháng 12 hàng năm chưa thực hiện hết hoặc chưa chi hết, Sở Công nghiệp báo cáo Sở Tài chính để giải quyết theo quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Phân công trách nhiệm

1. Sở Công nghiệp chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí khuyến công theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Công nghiệp và Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp cân đối nguồn kinh phí hỗ trợ chương trình, đề án khuyến công địa phương trong dự toán ngân sách hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn kiểm tra việc sử dụng kinh phí phục vụ công tác khuyến công theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân huyện:

3.1. Hướng dẫn các đơn vị trong phạm vi quản lý của mình xây dựng chương trình, đề án cần hỗ trợ từ kinh phí khuyến công; xem xét và chịu trách nhiệm về ý kiến của mình đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ; tổng hợp, đề xuất kế hoạch hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác khuyến công ngành và địa phương;

3.2. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện đối với các đơn vị được hỗ trợ kinh phí khuyến công.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 13. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Những tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, sử dụng và tạo nguồn kinh phí khuyến công được xem xét khen thưởng theo chế độ hiện hành.

2. Những tổ chức, cá nhân vi phạm, có hành vi gian lận để được hưởng các khoản hỗ trợ từ kinh phí khuyến công thì phải hoàn trả và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật./.